

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 234/2018/DS-PT
Ngày 21-8-2018
V/v đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tấn Quốc

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Ân
Ông Lê Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An: Ông Huỳnh Phạm Khánh
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 133/2018/TLPT-DS ngày 27 tháng 6 năm 2018 về việc “Đòi tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 48/2018/DS-ST ngày 03 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/2018/QĐ-PT ngày 18 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1962. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà P: Ông Bùi Trường C là luật sư của Văn phòng luật sư T– thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1975. (Có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã Đ, huyện H, tỉnh Long An.

3. Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1969. Địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã M, huyện H, tỉnh Long An. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn E, sinh năm 1972. Địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã Đ, huyện H, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Công L, sinh năm 1997. Địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã Đ, huyện H, tỉnh Long An. (Theo văn bản ủy quyền ngày 37/3/2018). (Có mặt)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm

1941. Địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã Đ, huyện H, tỉnh Long An. (Có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 21/8/2018)

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Kim P, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Kim N, là đồng nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/2/2018, biên bản hòa giải ngày 02/4/2018, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, các nguyên đơn gồm bà P, bà T, bà N trình bày:

Theo thỏa thuận tại UBND xã Đ thì bà C là mẹ và ông E là em của các bà có thống nhất cho mỗi người một số tiền 150.000.000đ từ việc bán đất là di sản thừa kế của cha là ông Phạm Văn L (đã chết) và mẹ là bà Nguyễn Thị C. Khi ông L chết thì ông E và bà C tự ý lập các thủ tục sang tên toàn bộ đất cho ông E và ông E đã chuyển nhượng một phần cho người khác; Bà P, bà T, bà N không đồng ý và đã thỏa thuận tại UBND xã Đ thì bà C, ông E thống nhất hứa cho bà P, bà T, bà N mỗi người số tiền là 150.000.000đ nhưng đến nay không giao tiền. Do đó, bà P, bà T, bà N yêu cầu ông Nguyễn Văn E là người hưởng toàn bộ di sản phải thực hiện thỏa thuận giao trả cho mỗi người số tiền là 150.000.000đ như đã hứa trước đây.

Tại biên bản hòa giải ngày 02/4/2018 và tại phiên tòa bị đơn là ông Nguyễn Văn E do ông Nguyễn Công L đại diện theo ủy quyền trình bày: Ông L không đồng ý với yêu cầu của các nguyên đơn, theo biên bản thỏa thuận tại UBND xã Đ thì ông E thống nhất cho lại các nguyên đơn mỗi người 150.000.000đ nhưng nay thì không đồng ý cho nữa vì trước khi ông Phạm Văn L chết đã có chia phần cho các nguyên đơn. Phần còn lại thì ông E hưởng từ di chúc và từ việc tặng cho riêng của bà C cho ông E không có phần của các nguyên đơn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/4/2018 bà Nguyễn Thị C trình bày: Bà thừa nhận tại biên bản ngày 28/9/2017 có hứa cho bà P, bà T, bà N mỗi người một số tiền 150.000.000đ từ việc chuyển nhượng đất của bà với ông L nhưng nay bà suy nghĩ lại, bà đã lớn tuổi cần có tiền dưỡng già nên không cho bà P, bà T, bà N mà giao hết cho ông E là con út về sau này lo chăm sóc bà.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2018/DS-ST ngày 03 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H căn cứ các Điều 26, 35, Điều 264 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim P, bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Thị Kim N đối với bà Nguyễn Văn E về việc “*tranh chấp đòi tài sản thừa kế*”

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim P, bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Thị Kim N về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn E giao trả cho mỗi người nguyên đơn số tiền là 150.000.000đ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 16/5/2017, bà Nguyễn Kim P, bà Nguyễn Thị Kim T và bà Nguyễn Thị Kim N kháng cáo yêu cầu chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và xác định lại yêu cầu kháng cáo: yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và có ý kiến trình bày như sau:

Luật sư Bùi Trường C và các nguyên đơn trình bày: Tòa án nhân dân huyện H xác định quan hệ tranh chấp đòi tài sản là không chính xác, lẽ ra cần xác định quan hệ tranh chấp về thừa kế và không đưa ông Nguyễn Văn C tham gia tố tụng là thiếu sót. Chồng bà C cũng là cha của nguyên bị đơn có hai tên nên trong các văn bản có khi ghi là ông R, khi ghi là ông L nhưng cấp sơ thẩm cũng chưa làm rõ về việc này. Đồng thời, khi ông E làm thủ tục nhận thừa kế từ ông L để đứng tên quyền sử dụng đất và bán đất thì các nguyên đơn có khiếu nại nên tại UBND xã Đ ông E bà C có hứa sau khi làm xong các thủ tục này và bán đất thì sẽ cho mỗi người 150 triệu đồng nên các nguyên đơn không tranh cãi và hiện ông E đã bán được một phần đất nhưng không thực hiện đúng cam kết. Các nguyên đơn chỉ đồng ý rút đơn khởi kiện, đơn kháng cáo khi ông E giao đủ cho các nguyên đơn mỗi người 150 triệu đồng tại phiên tòa phúc thẩm nhưng ông E không thực hiện nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Ông Nguyễn Công L trình bày: Ông thừa nhận lời trình bày của các nguyên đơn là khi ông E làm thủ tục nhận thừa kế từ ông L để ông E đứng tên và bán đất thì các nguyên đơn ngăn cản, ông E và bà C có hứa cho mỗi người 150 triệu đồng để các nguyên đơn đồng ý không khiếu nại nữa. Sau khi bán đất, bà C bị bệnh cần nhiều tiền để chữa trị và dưỡng già nên ông E bà C chỉ đồng ý đưa cho mỗi người 100 triệu đồng (riêng ông C đưa đủ 300 triệu đồng) nhưng các nguyên đơn không đồng ý đòi nhận đủ 150 triệu nên ông E không đồng ý. Nay ông E không đồng ý yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của các nguyên đơn, kể cả không đồng ý giao 100 triệu đồng như trước đây. Vì các nguyên đơn đã khởi kiện ra tòa và rằng di sản của ông L đã lập di chúc để lại cho ông E còn phần tài sản của bà C thì bà C có quyền định đoạt cho ông E.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Theo đơn kháng cáo các nguyên đơn kháng cáo yêu cầu chấp nhận yêu cầu khởi kiện nhưng tại phiên tòa phúc thẩm các nguyên đơn xác định lại yêu cầu kháng cáo là yêu cầu hủy bản án sơ thẩm. Hồ sơ vụ án đã thể hiện cha của nguyên bị đơn và là chồng của bà C có hai tên là R và L, điều này đã thể hiện rõ không cần phải xác minh như luật sư yêu cầu. Qua lời trình bày của bị đơn cho thấy giao dịch giữa hai bên là hợp đồng tặng cho có điều kiện nhưng điều

kiện là gì chưa được làm rõ và đương sự trình bày cũng chưa rõ ràng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét làm rõ để tuyên xử cho phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Tại đơn kháng cáo ngày 16/5/2018 các nguyên đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện nhưng tại phiên tòa phúc thẩm các nguyên đơn xác định lại yêu cầu kháng cáo là yêu cầu xử hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại. Xét thấy việc thay đổi, bổ sung yêu cầu kháng cáo này là trong phạm vi kháng cáo ban đầu nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm quy định tại Điều 298 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét thấy, tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm các nguyên đơn chỉ tranh chấp yêu cầu bị đơn thực hiện cam kết chia cho các nguyên đơn mỗi người 150 triệu đồng ghi tại Biên bản hòa giải ngày 28/9/2017 của Ủy ban nhân dân xã Đ về việc phân chia di sản thừa kế của ông Phạm Văn L. Các nguyên đơn không có tranh chấp liên quan đến di sản thừa kế của ông L nên Tòa án không đưa ông Nguyễn Văn C tham gia tố tụng, không xác minh làm rõ tính hợp pháp của di chúc, văn bản hủy bỏ di chúc, văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và các giấy tờ, văn bản khác có liên quan đến di sản thừa kế của ông L là phù hợp. Vì vậy, lời trình bày của luật sư C yêu cầu hủy bản án sơ thẩm với những lý do nêu trên là không có căn cứ.

[3] Căn cứ vào Biên bản hòa giải ngày 28/9/2017, lời khai của các bên có trong hồ sơ và tại phiên tòa phúc thẩm thì đủ cơ sở xác định giữa ông E, bà C với các nguyên đơn có thỏa thuận tặng cho tài sản (tiền) có điều kiện theo Điều 462 Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp đòi tài sản theo khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là không chính xác. Điều kiện được tặng cho ở đây là việc các nguyên đơn không khiếu nại, tranh chấp với ông E, bà C về di sản thừa kế của ông L, hợp tác với ông E thực hiện các thủ tục để ông E đứng tên quyền sử dụng đất và chuyển nhượng đất.

[4] Các nguyên đơn cho rằng đã thực hiện xong nghĩa vụ (điều kiện) này nhưng ông E không thực hiện cam kết đã thỏa thuận nên khởi kiện yêu cầu ông E phải thực hiện. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 462 Bộ luật dân sự năm 2015 thì dù các nguyên đơn đã thực hiện xong nghĩa vụ mà ông E không thực hiện đúng cam kết giao tiền cho mỗi người 150 triệu đồng thì cũng không thể buộc ông E phải thực hiện như cam kết. Bởi lẽ, trong trường hợp này ông E cũng chỉ thanh toán nghĩa vụ mà các nguyên đơn đã thực hiện. Nhưng các nguyên đơn không yêu cầu về phần này và xác định rằng việc không khiếu nại, tranh chấp đối với di sản thừa kế của ông L và việc hợp tác, hỗ trợ để ông E đứng tên và chuyển nhượng đất thì cũng không tốn chi phí gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về chi phí này.

[5] Như vậy, với những lý do mà các nguyên đơn và luật sư nêu ra để kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ. Các nguyên đơn phải chịu án phí phúc thẩm.

[6] Các phần khác không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

[7] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim P, bà Nguyễn Thị Kim T và bà Nguyễn Thị Kim N.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 462 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim P, bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Thị Kim N đối với ông Nguyễn Văn E về việc yêu cầu ông E phải chia cho bà P, bà T và bà N mỗi người là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng).

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim P, bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Thị Kim N mỗi người phải chịu số tiền 7.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng bà P, bà T mỗi người được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000đ theo thứ tự biên lai thu số 0002383, số 0002385 cùng ngày 16/3/2018; bà N được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0002384 ngày 16/3/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện H. Bà P, bà T còn phải nộp tiếp 3.750.000đ; bà N còn phải nộp tiếp 7.200.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim P, bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Thị Kim N mỗi người phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, nhưng mỗi người được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo thứ tự biên lai thu số 0002882, 0002881, 0002883 cùng ngày 16/5/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện H; bà P, bà T và bà N nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tấn Quốc